

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Nguyệt Mai

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/HNST ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số C lô A chung cư N, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chương L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số C lô A chung cư N, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Chương L đăng ký kết hôn ngày 26/9/2000 tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận E theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01/2000. Quá

trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ việc quản lý tài chính trong gia đình, cách sắp xếp cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà đã hai lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 5 và đã rút đơn để hàn gắn nhưng không được.

Nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Chương L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Chương L có hai con chung là Nguyễn Bảo H (sinh năm 2000) và Nguyễn Bảo C (sinh năm 2003) hiện đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

- Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Chương L tự thỏa thuận về tài sản chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn – ông Nguyễn Chương L trình bày:* Ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N, ông đề nghị cho thời gian để suy nghĩ phương án tốt hơn để xây dựng lại gia đình. Ngoài ra ông muốn con trai học xong quân trường về đơn vị để thuận tiện trong việc thăm tra lý lịch. Đồng thời ông cũng chuẩn bị tâm lý tốt hơn để quyết định đúng đắn hơn.

- Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị N có hai con chung là Nguyễn Bảo H (sinh năm 2000) và Nguyễn Bảo C (sinh năm 2003) hiện đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

- Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị N tự thỏa thuận về tài sản chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông Nguyễn Chương L vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời trình bày của các đương sự đề xuất Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Chương L; về con chung: hai con chung là

Nguyễn Bảo H (sinh năm 2000) và Nguyễn Bảo C (sinh năm 2003) hiện đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chương L, do đó quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, ông L có địa chỉ cư trú tại số C lô A chung cư N, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn – ông Nguyễn Chương L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Chương L tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận E theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01/2000 ngày 26/9/2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ việc quản lý tài chính trong gia đình, cách sắp xếp cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà đã hai lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 5 và đã rút đơn để hàn gắn nhưng không được. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hoà giải tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông L. Ông L không đồng ý ly hôn và đưa ra phương án hòa giải nhưng bà N không chấp nhận. Nhận thấy, năm 2015 bà N nộp đơn ly hôn và sau đó rút đơn, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 159/2015/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2015. Đến năm 2022, bà N lại nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông L và sau đó lại rút đơn, Tòa án nhân dân Quận 5 đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 272/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2022. Bà N cho rằng hai lần nộp đơn ly hôn nhưng lại rút đơn khởi kiện do muốn tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mong muốn ông L sửa đổi nhưng không có kết quả. Do đó, Hội đồng xét xử nhận

thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N và quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Chương L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà N và ông L tự khai có hai con chung là Nguyễn Bảo H (nam), sinh năm 2000 và Nguyễn Bảo C (nam), sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông L tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55, Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Chương L (Giấy chứng nhận kết hôn số: 57, quyển số 01/2000 ngày 26/9/2000 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Chương L có hai con chung là Nguyễn Bảo H (nam), sinh năm 2000 và Nguyễn Bảo C (nam), sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Chương L tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Chương L tự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai số AA/2021/0011029 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

6. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- UBND Phường 9, Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Bích Trâm